

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:**



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **KINH TẾ**; Chuyên ngành: **KẾ TOÁN**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **LÊ ĐỨC TOÀN**
- Ngày tháng năm sinh: **20-02-1958**; Nam ; Nữ ; Dân tộc: **Kinh**.
- Đảng viên Đảng CSVN:
- Quê quán: **Xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 83 Nguyễn Đăng Giai, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
- Địa chỉ liên hệ: **Lê Đức Toàn, Trường Đại học Duy Tân**

Số 3 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại di động: **0917.022.665**

Địa chỉ E-mail: **leductoan2002@gmail.com**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1981 đến 1996: Công tác tại các doanh nghiệp, Ban quản lý
- Từ năm 1997 đến năm 1999: TP. Tài chính – Kế hoạch, quận Thanh Khê, Đà Nẵng.

- Từ năm 1999 đến 2002: Trưởng phòng Tổng hợp Sở Tài chính, TP Đà Nẵng.
- Từ năm 2002 đến năm 2007: Phó Giám đốc Phụ trách Phân viện Tài chính (Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).
- Từ năm 2007 đến nay: Trường Đại học Duy Tân.

Chức vụ hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó hiệu trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Duy Tân.

Địa chỉ cơ quan: Số 3 Quang Trung, Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: (+84) 236.3650403

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Không có**

8. Đã nghỉ hưu từ: tháng 05 năm 2015.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Trường Đại học Duy Tân

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): **Không có**

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **Đại học** ngày 19 tháng 12 năm 1982, Ngành: Kinh tế, Chuyên ngành: Kế hoạch hóa Kinh tế Quốc dân

Nơi cấp bằng **DH** (trường, nước): Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

- Được cấp bằng **Thạc sĩ** ngày 25 tháng 03 năm 1998, Ngành: Kinh tế, Chuyên ngành: Kế toán.

Nơi cấp bằng **Thạc sĩ** (trường, nước): Trường Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng **Tiến sĩ** ngày 20 tháng 5 năm 2003, Ngành: Kinh tế, Chuyên ngành: Kế toán

Nơi cấp bằng **TS** (trường, nước): Học viện Tài chính, Việt Nam

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 09 tháng 11 năm 2010, ngành: Kinh tế

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Duy Tân.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

-Các hoạt động liên quan đến Kế toán tài chính: Hệ thống các chuẩn mực, chế độ kế toán...

-Các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính:

+Quản trị tài chính doanh nghiệp.

+Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế

+Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng các dịch vụ e-banking, đến sự hài lòng của khách hàng về sử dụng dịch vụ tài chính v.v..

-Tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Hướng dẫn 02 NCS: Hướng dẫn thứ nhất cho 1 NCS (đã bảo vệ thành công luận án TS) và đã hướng dẫn thứ hai cho 1 NCS (đã bảo vệ thành công luận án TS). Hiện đang hướng dẫn thứ nhất cho 3 NCS (chưa bảo vệ).

- Đã tham gia hoàn thành: 10 đề tài NCKH, trong đó có:

+07 đề tài NCKH cấp tỉnh, Bộ (trong đó có 03 chủ nhiệm, phó chủ nhiệm);

+01 đề tài Nafosted

+02 đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm);

-Đã chủ trì 04 Dự án mở ngành đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ (*đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và cho phép đào tạo*).

- Đã được cấp 0.bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Đã công bố:

+ 17 bài báo KH quốc tế có uy tín (04 bài Scopus Q2, 02 bài Scopus Q3, 09 bài Scopus Q4, 02 bài thuộc ABDC List). Trong số 17 bài báo KH quốc tế có uy tín, ứng viên là tác giả thứ nhất của 10 bài.

+ 18 bài báo KH trong nước;

+ 12 bài Hội thảo quốc tế và quốc gia

- Số sách đã xuất bản: 15, trong đó:

+Chủ biên hoặc Đồng chủ biên 13 giáo trình và sách hướng dẫn.

+Tham gia 02 sách chuyên khảo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Bằng khen số 5125/QĐ-BGDĐT ngày 04/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường giai đoạn 1994 – 2014”.

16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Là một giảng viên và cán bộ quản lý tại trường đại học, bản thân tôi tự nhận thấy mình có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh hòa đồng với tất cả sinh viên, học viên ở các hệ đào tạo cũng như các đồng nghiệp, cộng sự trong nhà trường.

Trong suốt quá trình công tác, tôi luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tự học tập và học tập từ các thể hệ đi trước cũng như đồng nghiệp. Bản thân luôn cố gắng học và dịch tài liệu tiếng Anh

Bản thân thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ; giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học và luôn có thái độ đối xử công bằng, nghiêm túc với người học, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người học.

2. Thâm niên đào tạo:

-Tính đến tháng 6/2020, tôi có trên 18 năm liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo ở Học viện Tài chính và Trường ĐH Duy Tân.

Cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số NCS đã hướng dẫn		Số ThS đã hướng dẫn	HD đồ án tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015			2	-	-	180 tiết	320
2	2015-2016	1		3	-	-	135 tiết	391
3	2016-2017	1		3	-	-	180 tiết	436
3 thâm niên cuối:								
4	2017-2018	1		4	-	-	180 tiết	506
5	2018-2019			3	-	-	90 tiết	300
6	2019-2020	1		1	-	-	90 tiết	160

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

– Học ĐH ; Tại nước:

– Bảo vệ luận án ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: ...

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.... ; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

– Nơi giảng dạy: Trường Đại học Duy Tân.

d) Đối tượng khác .

3.2. Tiếng Anh: Chứng chỉ bằng C Anh văn do Trường Đại học Tổng hợp Huế cấp

4. Hướng dẫn NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng)

(Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS):

T T	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ...đến..	Cơ sở đào tạo	Năm đã bảo vệ
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Phạm Hùng Cường	X		X		2016-2018	ĐH Duy Tân	2018
2	Lê Thị Hồng Dương	X			X	2014-2018	Học viện Khoa học Xã hội (Viện HLKHXH Việt Nam)	2018
3	Nguyễn Quang Tâm	X		X		2017-2020	ĐH Duy Tân	Chưa bảo vệ
4	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	X		X		2018-2021	ĐH Duy Tân	Chưa bảo vệ
5	Phạm Xuân Sơn	X		X		2020-2023	ĐH Duy Tân	Chưa bảo vệ

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDDH	ISBN (nếu có)
Giai đoạn trước khi công nhận PGS							
1	Bài tập Kế toán hành chính sự nghiệp	HD	Nhà XB Giáo dục, Năm 2005	2	CB	x	
2	Lý thuyết hạch toán kế toán	GT	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2007	1	MM	x	ISBN: 978-604-84-4160-9
3	Kế toán quản trị 2	GT	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2009	2	CB	x	ISBN: 978-604-84-4160-9

4	Kế toán tài chính (nâng cao)	GT	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2009	2	CB	x	ISBN: 978- 604-84- 4160-9
5	Nguyên lý kế toán 1	GT	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2009	2	CB	x	ISBN: 978- 604-84- 4160-9
6	Bài tập Kiểm toán tài chính	HD	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2009	2	CB	x	ISBN: 978- 604-84- 4160-9
7	Bài tập Kế toán quản trị	HD	Nhà XB Thông tin và Truyền thông, Năm 2009	2	CB	x	ISBN: 978- 604-80- 3189-3
8	Bài tập Nguyên lý kế toán	HD	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2009	2	CB	x	ISBN: 978- 604-84- 4160-9
9	Bài tập Kế toán hành chính sự nghiệp	HD	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2009	2	CB	x	ISBN: 978- 604-84- 4160-9
Giai đoạn sau khi công nhận PGS							
10	Kế toán thương mại dịch vụ	GT	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2010	2	CB	x	ISBN: 978- 604-84- 4160-9
11	Bài tập Quản trị tài chính (hệ đại học)	HD	Nhà XB Thông tin và Truyền thông, Năm 2011	2	CB	x	ISBN: 978- 604-80- 3189-3
12	Nguyên lý thống kê với SPSS	GT	Nhà XB Thông tin và Truyền thông, Năm 2011	2	CB	x	ISBN: 978- 604-80- 3189-3

13	Phát triển nền nông nghiệp xanh ở các tỉnh Nam Trung bộ	CK	Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội	7	TG	x	ISBN: 978-604-944-997-0
14	Mô hình gắn kết trong đào tạo giữa trường đại học và DN tại Khu vực miền Trung	CK	Nhà XB Thông tin và Truyền thông, Năm 2018	3	CB	x	ISBN: 978-604-80-3189-3
15	Bài tập Quản trị tài chính (hệ cao học)	HD	Nhà XB Đà Nẵng, Năm 2019	1	MM	x	ISBN: 978-604-84-4160-9

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày Nghiệm thu	Kết quả
1	Phát triển thị trường dịch vụ tài chính trên địa bàn TP Đà Nẵng đến năm 2015	CN		Cấp cơ sở (Học viện Tài chính)	9/2003	24/9/2004	Khá
2	Hoàn thiện các giải pháp tài chính đối với các ngành trọng điểm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH ở TP Đà Nẵng	CN		Cấp cơ sở (Học viện Tài chính)	8/2004	15/12/2005	Đạt
5	Một số giải pháp hoàn thiện NS xã, phường trên địa bàn TP Đà Nẵng		TG	UBND TP Đà Nẵng	8/2000	25/5/2001	Khá
4	Một số giải pháp hình thành và phát triển thị trường dịch vụ tài chính trên địa bàn TP Đà Nẵng đến năm 2010		TG	UBND TP Đà Nẵng	4/2003	24/7/2004	Khá
5	Huy động vốn đầu tư trong nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội TP Đà Nẵng đến năm 2010		TG	UBND TP Đà Nẵng	10/2002	15/3/2004	Khá

6	Giải pháp huy động vốn và công nghệ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2015		TG	UBND tỉnh Quảng Nam	6/2005	28/12/2006	Khá
7	Giải pháp về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG về xây dựng NTM tỉnh Quảng Nam	CN		UBND tỉnh Quảng Nam	6/2013	12/2015	Khá
8	Phát triển dịch vụ giải trí TP Đà Nẵng thời kỳ 2015-2020, định hướng năm 2030.	Đồng CN		UBND TP Đà Nẵng	12/2014	12/2016	Khá
9	Phát triển nền nông nghiệp xanh ở các tỉnh Nam Trung bộ		TG	Nafosted	12/2014	6/2016	Đạt
10	Mô hình gắn kết giữa trường đại học với doanh nghiệp trong đào tạo đại học khu vực Miền Trung	Phó CN		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1/2016	6/2018	Xuất sắc

7. Kết quả NCKH đã công bố (bài báo khoa học/giải pháp hữu ích...)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

ORCID của ứng viên: <https://orcid.org/0000-0003-3233-6791>. H. Index = 2

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Năm công bố
1	Một số ý kiến về đổi mới công tác đầu tư ở doanh nghiệp Nhà nước	1	Tác giả chính	Tài chính doanh nghiệp			số 5/1999, Tr. 9-10	1999
2	Kế toán quản trị trong DN	1	Tác giả chính	Tạp chí Công nghiệp	ISSN: 0868-3778		số 10/99, Tr. 21-23	1999
3	Những vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa trên địa bàn TP Đà Nẵng	1	Tác	Tạp chí Tài chính	ISSN :2615-8973		số 12 (446) Tr. 21-23	2001

			giả chính					
4	Phương pháp xác định giá phí của kế toán quản trị	1	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán	ISSN: 1859-1914		số 32- tháng 10 - 2001 Tr. 212- 214	2001
5	Đặc điểm mô hình kế toán quản trị ở các nước phát triển	1	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán	ISSN: 1859-1914		số 33- tháng 12, Tr. 257- 259	2001
6	Vốn đầu tư phát triển TP Đà Nẵng. Thực trạng và giải pháp	1	Tác giả chính	Hội thảo “Giải pháp huy động VĐT trong nước phát triển kinh tế - xã hội TP Đà Nẵng đến năm 2010”			HVTC phối hợp với Sở Tài chính Đà Nẵng tổ chức Tr. 41-50	2004
7	Một số giải pháp nhằm huy động vốn đầu tư trong nước trên địa bàn TP Đà Nẵng đến năm 2010	2		Hội thảo “Giải pháp huy động VĐT trong nước phát triển kinh tế - xã hội TP Đà Nẵng đến năm 2010”			HVTC phối hợp với Sở Tài chính TP Đà Nẵng tổ chức pp. 2-11	2004
8	Giải pháp nhằm huy động vốn đầu tư trên địa bàn TP Đà Nẵng đến năm 2010	1	Tác giả chính	Hội thảo “Giải pháp huy động VĐT trong nước phát triển kinh tế - xã hội TP Đà			HVTC phối hợp với Sở Tài chính TP Đà Nẵng tổ chức.	2004

				Năng đến năm 2010”			Tr.106-114	
9	Phát triển dịch vụ ngân hàng trong điều kiện hội nhập kinh tế ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.	2		Hội thảo “Phát triển dịch vụ tài chính Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung”			HVTC phối hợp ĐHKT Đà Nẵng tổ chức pp.133-143	2005
10	Hợp tác, liên kết giữa tỉnh Quảng Nam và TP Đà Nẵng nhằm khai thác lợi thế hành lang kinh tế dọc đường 14B	2	Tác giả chính	Hội thảo “Liên kết kinh tế trên địa bàn Miền Trung –Tây Nguyên”			Trường ĐH Kinh tế Đà Nẵng tổ chức vào tháng 4 năm 2009 tại Đà Nẵng. Tr. 167-176	2009
11	Kế toán hợp nhất báo cáo tài chính sau khi mua	1	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán	ISSN: 1859-1914		số 81, tháng 12/2009. Tr. 33-35	2009
12	Liên kết trong xúc tiến đầu tư FDI tại Khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.	2	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Kế toán (HV Tài chính)			số 09(86), Năm 2010. Tr. 68-71	2010
13	Hợp nhất Báo cáo tài chính tại ngày mua	1	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán	ISSN: 1859-1914		số 82, tháng 2/2010. Tr. 35-36	2010
14	Nghiệp vụ kế toán trong công ty cổ phần	1	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán	ISSN: 1859-1914		số 85, tháng 8/2010. Tr. 49-54	2010

15	The factors affecting the level of accounting information publication of the real estate enterprises listed on the stock market	4	Tác giả chính	The 3 rd 2015 IBEA Organized in Ho Chi Minh City – Vietnam	ISBN: 978 -602 – 19725 – 8 -8.		The 3 rd 2015 IBEA, 15 -17 April 2015. pp. 1-13	2015
16	Study on the factors affecting job satisfaction of employees at BIDV.	4	Tác giả chính	The Second Asia- Pacific Conference on Global Business, Economics, Finance and Social Sciences held on 10-12 July, 2015.	ISBN: 978-1-63415-833-6		The Second Asia- Pacific Conference, 10-12 July, 2015. pp. 1-19	2015
17	Expanding to lend productive household: Case study of Agribank – Quang Binh Branch	2		Conference on Global Business, Economics, Finance and Banking in 2016.	ISBN:978 -1-943579 -44-0		The Fifth European Academic Research Conference, 2016. pp. 1-15	2016
18	Hoàn thiện tổ chức kế toán thu, chi hoạt động trong các đơn vị SN giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	2	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán	ISSN: 1859-1914		số 4/2016 (151). Tr. 23-26	2016
19	The factors affecting the liquidity of enterprises in the information technology sector in Quang Ngai Province	4		The seventh Asia –Pacific Conference	ISBN: 978-1-943579-81-5		The seventh Asia – Pacific Conference pp. 1-9	2016

20	Các nhân tố ảnh hưởng đến chấp nhận sử dụng dịch vụ E-Banking của khách hàng cá nhân tại SCB – CN Chợ Hàn	3	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế & Phát triển	ISSN: 1859-0012		số 236, tháng 2/2017. Tr. 72-81	2017
21	The application of the Knowledge Management Star (KMStar) Model in assessing management responsibilities of responsibility center in construction corporations. The study is conducted at construction corporations under the MOT of Vietnam.	3		EAR 17 Italy Conference	ISBN: 978 – 1 – 943579 – 95 – 2, Rome, Italy. 1-3, July 2017. Paper ID: 1772		EAR 17 Italy Conference 1-3, July 2017. pp. 1-18	2017
22	Research on factors affecting customer satisfaction with the quality of services: Empirical Evidence at Da Nang International Airport, Vietnam	4		<i>Asian Journal of Empirical Research</i>	ISSN (O): 2224-4425, ISSN (P): 2306-983X. ABDC Ranked, ProQuest		7(3), pp. 61-74	2017
23	Đề xuất mô hình giáo dục đại học gắn với yêu cầu phát triển và xu thế hội nhập quốc tế	2		Tạp chí Khoa học Giáo dục	ISSN:0868-3662		Số 140, tháng 5/2017, Tr. 17-21	2017
24	The relationship between exports and economic growth- Evidence in Viet Nam	4	Tác giả chính	International Journal of Applied Business and Economic Research.	ISSN: 0972-7302. HI =11 (Scopus Q2 in year 2017)		22 (Part III) -2017. pp. 253-265	2017

25	The relationship between working capital management and profitability. Evidence in Viet Nam DOI:10.5539/ijbm.v12n8p175	4	Tác giả chính	International Journal of Business and Management	ISSN 1833-8119 (Online). ABDC Ranked, ProQuest		12(8). pp. 175-181	2017
26	The determinants and impacts of foreign direct investment in Viet Nam.	4	Tác giả chính	Journal of Applied Business and Economic Research.	ISSN: 0972-7302. HI=11 (Scopus Q2 in year 2017).		23 (Part II) - 2017. pp. 397-408	2017
27	Technology Acceptance and Future of Internet Banking in Vietnam	6	Tác giả chính	Foresight And STI Governance	ISSN 2312-9972 Scopus Q2 HI=11		12(2). pp. 36-48	2018
28	The factors affect to the decision of selecting tour destination of foreign tourists: Evidence in Hoi An City, Viet Nam.	3	Tác giả chính	International Conference of sustainable tourism development of the central provinces, Viet Nam.	ISBN: 978-604-84-3591-2.		Held on December, 8 th , 2018 in Duy Tan University	2018
29	Developing marine recreational services in Danang City	4		International Conference of sustainable tourism development of the central provinces, Viet Nam	ISBN: 978-604-84-3591-2.		Held on December, 8 th , 2018 in Duy Tan University	2018
30	Effect of audit rotation, audit fee and auditor competence to motivation auditor and	3		Academy of Accounting and Financial Studies Journal	ISSN 1995-459X (Russian print)		23(2). pp. 1-14	2019

	audit quality: Empirical Evidence in VietNam.				version). Vol.12, No.2 HI=7, Scopus Q4.			
31	Research on factors affecting organizational structures, operating mechanism and audit quality: An empirical study in Vietnam	3		Journal of Business Economics and Management	ISI-SSCI, IF :1,75, HI =30, SCOPUS Q2		20(3). pp. 526-545	2019
32	Testing the tourism – led growth hypothesis for Vietnam	4	Tác giả chính	International Conference held on by Communications on Stochastic Analysis in 2019	ISSN 0973-9599 HI=2, Scopus Q4		13(6)-special issue (2019), pp. 189-202	2019
33	Factors affecting customers’ decision to maintain bank deposits: The case of commercial banks in Danang City	5		EAR19 Swiss Conference, Zurich Switzerland, July 12-14, 2019.			Paper ID: 2953. pp. 1-8	2019
34	Research on the determinants that form Hoi An world heritage tourism destination, Vietnam	2	Tác giả chính	African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure	ISSN: 2223-814X HI=3, Scopus Q4.		Volume 8 (5) - (2019). pp. 1-11	2019
35	Applying theory of planned behaviour in researching tourists’ behaviour: The case of Hoi An World Cultural Heritage site, Vietnam	5	Tác giả chính	African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure	ISSN: 2223-814X, HI=3,		Volume 8 (5) - (2019). pp. 11-18	2019

					Scopus Q4.			
36	Nghiên cứu sự hài lòng của hành khách đối với chất lượng dịch vụ chặng bay Rạch Giá – TP Hồ Chí Minh của Công ty Bay Dịch vụ Hàng Không	2	Tác giả chính	Tạp chí Công thương	ISSN: 0866-7756		Số 17, tháng 9/2019. Tr. 211-217	2019
37	Hoàn thiện chứng từ và sổ kế toán trong công tác kế toán Kho bạc Nhà nước	2	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán	ISSN: 1859-1914		Số tháng 10/2019. Tr. 23-25	2019
38	Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ cho vay tiêu dùng của SCB-Chi nhánh Đà Nẵng	2	Tác giả chính	Tạp chí Công thương	ISSN: 0866-7756		Số 18, tháng 10/2019. Tr. 242-248	2019
39	Về nội dung của chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã theo Thông tư 70/2019/TT_BTC	2	Tác giả chính	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán	ISSN: 1859-1914		Số tháng 11/2019 (193). Tr. 22-24	2019
40	The relationship between risk and return. An empirical evidence from real estate stocks listed in Vietnam	5		Asian Economic and Financial Review	ISSN: 2222-6737. Scopus Q3		Volume 9, No 11. pp. 1211-1226	2019
41	Research factors affecting professional skepticism and audit quality: Evidence Vietnam	4		International Journal of Innovation, Creativity and Change,	ISSN: 22011323-2201.1315 Scopus Q3		Vol. 13, Issue 1, 2020, pp.830-847	2020
42	The factors affecting customer satisfaction and service quality: A study at Hoa Binh Phu Quoc resort Vietnam	5	Tác giả chính	African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure	ISSN: 2223-814X HI=3, Scopus Q4		Volume 9(1) - (2020). pp. 1-13	2020

43	Assessment of tourist satisfaction in Da Nang museum, Vietnam	4		African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure	ISSN: 2223-814X HI=3, Scopus Q4.		Volume 9(1) - (2020). pp. 1-15	2020
44	Using an Integration Model in researching destination loyalty of international tourists: Empirical evidence from Danang City, Vietnam	4	Tác giả chính	African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure	ISSN: 2223-814X HI=3, Scopus Q4.		Volume 9(2) - (2020). pp.1-15	2020
45	Marketing địa phương trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam	2		Tạp chí Công thương	ISSN: 0866-7756		Số 6, tháng 4, Năm 2020. Tr. 72-77	2020
46	Factors affecting the competitiveness of Viet Nam aquatic exporters: Empirical evidence in An Giang Province.	4		WSEAS Transaction on Business and Economics	E-ISSN: 2224-2899 HI=14, Scopus Q4.		Vol. 17, 2020. pp. 397-409	2020
47	Resarch on factors affect customers' intention to online shopping. Empirical evidence in Vietnam emerging economy	5	Tác giả chính	WSEAS Transaction on Business and Economics	E-ISSN: 2224-2899 HI=14, Scopus Q4.		Vol. 17, 2020. pp. 441-453	2020
48	Phân tích hiện trạng và thiết lập mục tiêu marketing địa phương nhằm thu hút FDI vào tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 -2025	2		Tạp chí Công thương	ISSN: 0866-7756		Số 8, tháng 4, Năm 2020. Tr. 69-75	2020

7.2. Giải pháp hữu ích.

TT	Giải pháp hữu ích	Cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
----	-------------------	-------------	--------------------	------------

1	Giải pháp về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam	6/2019	Chủ nhiệm đề tài
2	Phát triển dịch vụ giải trí TP Đà Nẵng thời kỳ 2015-2020, định hướng năm 2030.	Sở Du lịch TP Đà Nẵng	6/2019	Đồng Chủ nhiệm đề tài
3	Phát triển dịch vụ giải trí TP Đà Nẵng thời kỳ 2015-2020, định hướng năm 2030.	Sở Văn hóa & Thể thao TP Đà Nẵng	6/2019	Đồng Chủ nhiệm đề tài

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo.

Đã chủ trì xây dựng, phát triển, mở ngành 04 chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngành kinh tế như sau:

a/Tổ trưởng Tổ biên soạn chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (theo Quyết định số 001A/QĐ-ĐHDT ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Hiệu trưởng trường ĐH Duy Tân) và đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt, cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo Quyết định số 460 /QĐ-BGDDT ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

b/Chủ nhiệm Dự án xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHDT ngày 01 tháng 09 năm 2011 của Hiệu trưởng trường ĐH Duy Tân) và đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt, cho phép Trường ĐH Duy Tân đào tạo trình độ Tiến sĩ Quản trị kinh doanh theo Quyết định số 1589/QĐ-BGDDT ngày 07 tháng 05 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

c/Trưởng ban Dự án xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (theo Quyết định số 2286/QĐ-ĐHDT ngày 23 tháng 09 năm 2013 của Hiệu trưởng trường ĐH Duy Tân) và đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt, cho phép Trường ĐH Duy Tân đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng theo Quyết định số 1313/QĐ-BGDDT ngày 17 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo

d/Trưởng ban Dự án xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Tiến sĩ Kế toán (theo Quyết định số 849/QĐ-ĐHDT ngày 04 tháng 04 năm 2014 của Hiệu trưởng trường ĐH

Duy Tân) và đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt, cho phép Trường ĐH Duy Tân đào tạo trình độ Tiến sĩ Kế toán theo Quyết định số 1313/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo

9. Tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học

a) Thời gian bổ nhiệm PGS: **Không thiếu**

b) Hoạt động đào tạo

-Thâm niên đào tạo: **Không thiếu**

-Giờ giảng dạy: **Không thiếu**

-Hướng dẫn chính NCS: Ứng viên đã hướng dẫn thứ 1 cho 1 NCS đã bảo vệ và hướng dẫn 2 cho 1 NCS (đã bảo vệ). Đối chiếu với quy định hiện hành thì còn thiếu hướng dẫn chính cho 1 NCS, vì vậy đề xuất thay thế bằng 3 bài báo khoa học đã đăng trên tạp chí quốc tế Scopus có uy tín như sau:

-Research on factors affecting organizational structures, operating mechanism and audit quality: An empirical study in Vietnam (2019). *Journal of Business Economics and Management*, Vol. 22(3), pp. 622-641 (**Scopus Q2**).

-The factors affecting customer satisfaction and service quality: A study at Hoa Binh - Phu Quoc resort Vietnam (2020). *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*. Volume 9(1) - (2020), pp.1-13. ISSN: 2223-814X. **Scopus Q4. H-Index=3**

-Assessment of tourist satisfaction in Da Nang museum, Vietnam (2020). *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure Volume*. Volume 9(1) - (2020) ISSN: 2223-814X (**Scopus Q4**).

(*) Các công trình khoa học thay thế đã không được tính vào tổng điểm

c) Nghiên cứu khoa học

-Chủ trì nhiệm vụ KH &CN cấp Bộ, Tỉnh: Ứng viên là Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh, Đồng chủ nhiệm 01 đề tài cấp thành phố (trực thuộc TW) và Phó CN 01 đề tài cấp Bộ. Ứng viên đề nghị thay thế bằng 01 bài báo khoa học Scopus như sau:

Factors affecting the competitiveness of Viet Nam aquatic exporters: Empirical evidence in An Giang Province (2020). *WSEAS Transaction on Business and Economics*. Vol. 17, 2020, pp. 397-409. E-ISSN: 2224-2899. HI=14, Scopus Q4.

-Chủ trì nhiệm vụ KH &CN cấp cơ sở: ***Không thiếu***

-Công trình khoa học là tác giả chính: ***Không thiếu***

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

PGS.TS. Lê Đức Toàn